

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/01/2024.
V/v: “Ly hôn, trAh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố P, tỉnh G.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 799/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

- NgU đơn: Chị Bùi Nữ Trúc K sinh năm 1989.

- Bị đơn: Ah Lê Tiến Đ, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 341 Trần Phú, Thành phố P, tỉnh G

(NgU đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án ngU đơn chị Bùi Nữ Trúc K trình bày:

- Về hôn nhân: Ngày 05/3/2015 chị Bùi Nữ Trúc K với Ah Lê Tiến Đ đến với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, sau kết hôn sống với nhau hạnh phúc được một thời giA, sau đó phát sinh mâu thuẫn gia đình. NgU nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến việc cãi vã xảy ra liên tục, qua nhiều lần mâu thuẫn Ah Đ đã bỏ đi làm ăn xa, từ đó tình cảm vợ chồng nhạt dần, hiện tại giữa chị K với Ah Đ gần như đã sống ly thân, mỗi người một nơi không quA tâm chăm sóc đến nhau; bản thân chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, chị K đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn Ah Lê Tiến Đ.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung là cháu Lê Hoài A, sinh ngày 20/7/2015 và Lê Nhã U, sinh ngày 20/9/2018. Theo nguyện vọng của cháu A và cháu U đều có nguyện vọng được ở với chị K và hiện tại hai cháu đã được chị K trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu Ah Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị K tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là Ah Lê Tiến Đ, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (*Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa*) cho Ah Đ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Ah Đ đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng qua hệ pháp luật trAh chấp là “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị K với Ah Đ, chị K nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với Ah Đ. Về con chung, sau khi cả hai sống ly thân thì chị K là người trực tiếp nuôi hai con chung, xét về nguyện vọng của hai con chung đều muốn được ở với chị K và bản thân chị K cũng đã là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung trong thời gian Ah chị sống ly thân, vì vậy việc giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu Ah Đ cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Bùi Nữ Trúc K khởi kiện yêu cầu ly hôn và trAh chấp nuôi con với Ah Bùi Tiến Đ có địa chỉ tại Thành phố P, tỉnh G. Đây là vụ án: “*Ly hôn, trAh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ Ah Lê Tiến Đ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Ah Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ah Lê Tiến Đ.

[2]. Về nội dung: Chị K với Ah Đ tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, Thành phố P, tỉnh G theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm giữa chị K với Ah Đ cả hai không có tiếng nói chung, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, thời gian cả hai sống ly thân nhưng cả hai đều không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị K không còn tình cảm yêu thương Ah Đ, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị K có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn Ah Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, chị K với Ah Đ trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung là cháu Lê Hoài A, sinh ngày 20/7/2015 và Lê Nhã U, sinh ngày 20/9/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Ah Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng Ah Đ không có văn bản trình bày về nguyện vọng nuôi con, nên xét về nguyện vọng của cháu A, cháu U và nguyện vọng của chị K thì việc giao hai con chung cho chị K là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu Ah Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: NgU đơn chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[6]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng ngU đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và DAh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

TU xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn chị Bùi Nữ Trúc K.
Chị Bùi Nữ Trúc K được ly hôn Ah Lê Tiến Đ.

2. Giao con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 20/7/2015 và Lê Nhã U, sinh ngày 20/9/2018 cho chị Bùi Nữ Trúc K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Nữ Trúc K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001344 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố P, tỉnh G. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: NgU đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tU án (23/01/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- (UBND phường Yên Đỗ, TP Pleiku, Gia Lai; Số 21/2025; Quyền số: 01, Đk ngày 05/3/2015).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**